

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC**
Địa chỉ: Khu công nghiệp Khai Quang, TP Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
ĐT: (0211) 3720945, Fax: (0211) 3845944



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**


Vĩnh Phúc, tháng 11 năm 2019



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC
Tên viết tắt : VPID
Tên giao dịch tiếng Anh : Vinh Phuc Infrastructure Development Joint Stock Company
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (MSDN) số: 2500222004 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 16/6/2003, cấp thay đổi lần 20 ngày 04/03/2019
Vốn điều lệ: 183.513.510.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 183.513.510.000 đồng
Mã chứng khoán : IDV

Logo : 

Địa chỉ : Khu công nghiệp Khai Quang – TP Vinh Yên – Tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại : (0211) 3720 945 Fax: (0211) 3845 944
Email : idv@vpid.vn
Website : www.vpid.vn

❖ Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 16/06/2003: Công ty cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 9.999.000.000 đồng.
- Ngày 04/03/2019, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 183.513.510.000 đồng thông qua các đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông.
- Công ty đã được UBCK Nhà nước chấp thuận là Công ty đại chúng ngày 01/10/2009; được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) cấp Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 43/GCN-SGDHN ngày 18/5/2010 và bắt đầu phiên giao dịch đầu tiên cổ phiếu IDV trên sàn HNX vào ngày 01/06/2010.

❖ Các mốc sự kiện:

- ✚ Ngày 3/8/2011: Thành lập Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam cụ thể như sau:
 - Vốn điều lệ ban đầu: 18,0 tỷ đồng
 - Vốn điều lệ hiện nay: 45,0 tỷ đồng
 - Mã số doanh nghiệp: 0700540547 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 3/8/2011, cấp thay đổi lần 1 ngày 20/08/2014.
 - Địa chỉ: Lô KT - KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
 - Điện thoại: 84-(351) 6 252 137 Fax: (0351) 6 252 138
 - Nhiệm vụ chính: Chủ đầu tư KCN Châu Sơn, tỉnh Hà Nam
- ✚ Ngày 19/10/2011: Thành lập Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nội cụ thể như sau:
 - Vốn điều lệ: 18,0 tỷ đồng
 - Mã số doanh nghiệp: 0105578158 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/10/2011, cấp thay đổi lần 3 ngày 24/4/2014.
 - Địa chỉ: Tầng 04 khu văn phòng sân tập Golf Phương Đông – phố Tân Mỹ - phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
 - Nhiệm vụ chính: Được Công ty mẹ giao đầu tư tài chính đối với các công ty đang niêm yết trên thị trường chứng khoán, là cổ đông lớn của L18, L43, DC4;

⚡ Ngày 07/12/2017: Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nội đã hoàn thiện thủ tục giải thể và chính thức dừng hoạt động.

⚡ Ngày 12/09/2019: Góp vốn thành lập Công ty CP VPID Vĩnh Phúc cụ thể như sau:

- Vốn điều lệ: 20,6 tỷ đồng

- Mã số doanh nghiệp: 2500635202 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 12/09/2019.

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Khai Quang – TP Vĩnh Yên – Tỉnh Vĩnh Phúc

- Nhiệm vụ chính: Đầu tư xây dựng nhà xưởng và kho cho thuê

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp (KCN) và các dịch vụ trong KCN (xử lý nước thải,...)

- Địa bàn kinh doanh chính:

+ KCN Khai Quang - Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ KCN Châu Sơn - Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

❖ Mô hình quản trị:

Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc (VPID) được vận hành theo mô hình quản trị công ty mẹ - con, bao gồm công ty mẹ và 02 công ty trực thuộc là:

- Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam (HVPID), 100% vốn chủ sở hữu của công ty mẹ

- Công ty CP VPID Vĩnh Phúc, 70% vốn chủ sở hữu của công ty mẹ

❖ Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các dự án KCN mà Công ty làm chủ đầu tư và các dự án Công ty góp vốn liên doanh, liên kết.

- Đại hội đồng cổ đông: tại thời điểm ngày ĐKCC (31/05/2019) chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức bằng tiền năm 2018 là 404 cổ đông;

- Hội đồng Quản trị: Gồm 07 thành viên (06 thành viên không tham gia ban điều hành trong đó có 02 thành viên HĐQT độc lập, 01 thành viên kiêm nhiệm Tổng giám đốc);

- Tiểu Ban Kiểm toán nội bộ - trực thuộc HĐQT hiện nay: Gồm 02 thành viên

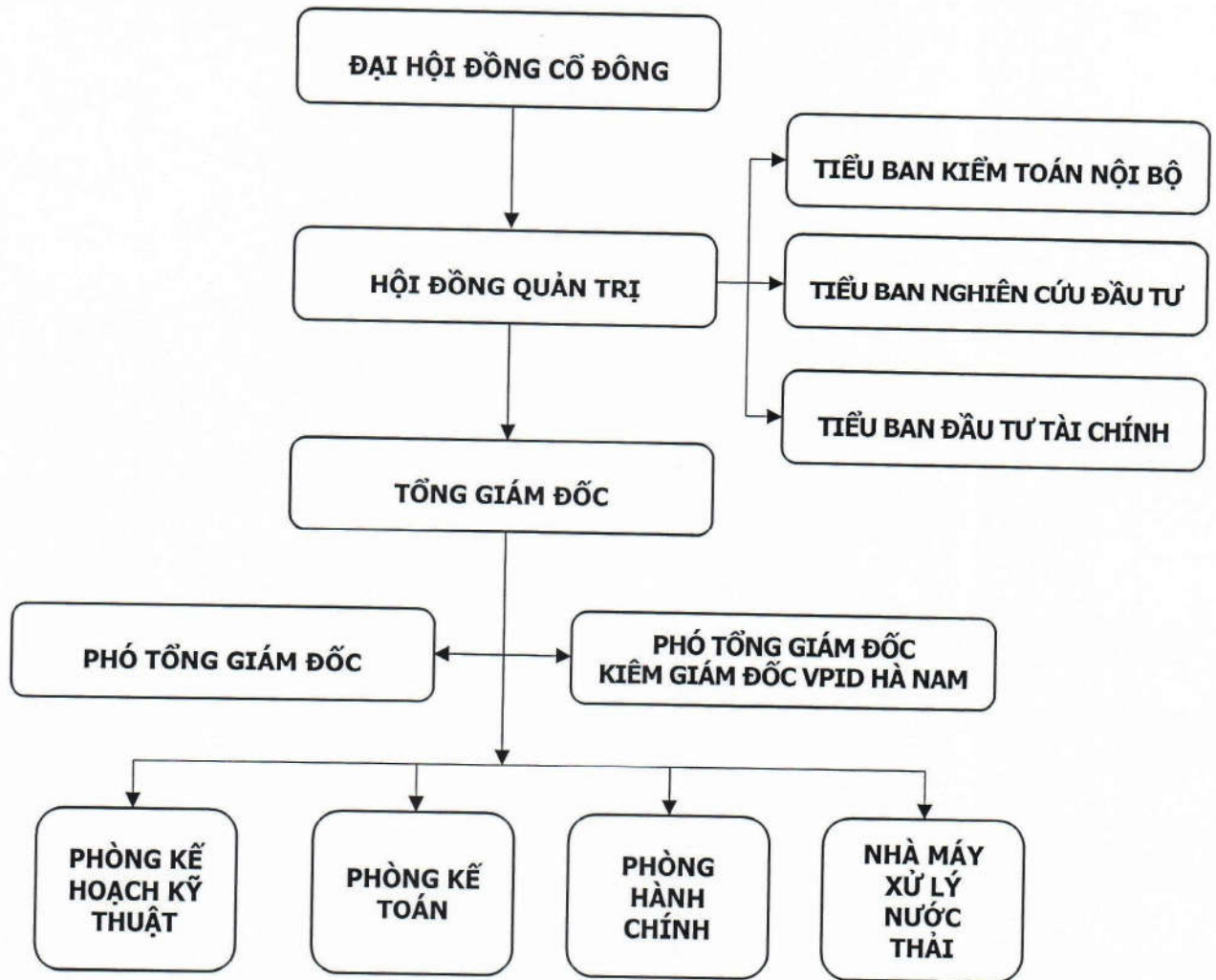
- Tiểu Ban Nghiên cứu đầu tư - trực thuộc HĐQT hiện nay: Gồm 01 thành viên

- Tiểu Ban Đầu tư tài chính - trực thuộc HĐQT hiện nay: Gồm 03 thành viên

- Ban Tổng Giám đốc: Gồm 04 thành viên

- Các công ty trực thuộc; Các phòng ban.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



❖ Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ dự án	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn đăng ký (tỉ VNĐ)	Số tiền VPID đã góp	Tỷ lệ tham gia (%)
I	Các đơn vị trực thuộc (công ty con):			45	45	
1	Công ty TNHH một thành viên VPID Hà Nam	Phủ Lý, Hà Nam	Kinh doanh BĐS (Đầu tư XD và KD hạ tầng khu, cụm CN, xây dựng nhà xưởng cho thuê); Thoát nước và xử lý nước thải; Thu gom xử lý chất thải rắn.	45	45	100
II	Các công ty liên doanh, liên kết:			107	93,61	
1	Công ty cổ phần Du lịch – Văn hóa Bình An	Hà Nội	Đại lý du lịch – dịch vụ	4	0,88	22
2	Công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	Hà Nam	Kinh doanh BĐS (Đầu tư XD và KD hạ tầng khu, cụm CN)	303	92,73	20
	Cộng (I + II)			452	138,61	

4. Định hướng phát triển:

❖ **Mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện phần còn lại của hệ thống hạ tầng KCN Khai Quang và KCN Châu Sơn, cung cấp dịch vụ hạ tầng KCN ở mức tốt nhất cho các doanh nghiệp tại KCN do Công ty làm chủ đầu tư, tạo uy tín để thu hút đầu tư tăng tỉ lệ lấp đầy tại KCN Khai Quang, Châu Sơn và dự án mới trong tương lai;
- Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho cán bộ công nhân viên, tăng lợi tức cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, đóng góp tích cực vào sự phồn vinh và phát triển của xã hội, không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

❖ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Tìm kiếm cơ hội đầu tư mở rộng và phát triển các dự án mới (ưu tiên lĩnh vực kinh doanh lõi) đạt hiệu quả ổn định để phát triển theo xu hướng bền vững.
- Phát triển hoạt động kinh doanh tại công ty mẹ và các công ty thành viên: Triển khai xây dựng hoàn thiện đồng bộ hệ thống hạ tầng khu công nghiệp, tiến tới hoàn thiện chuỗi liên kết cung cấp dịch vụ xử lý nước thải công nghiệp; nhà xưởng, kho bãi cho thuê phục vụ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và các dịch vụ khác phục vụ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp.
- Sàng lọc lại các dự án Công ty đã góp vốn đầu tư để việc đầu tư, sử dụng nguồn vốn hợp lý đạt hiệu quả cao nhất.

❖ **Mục tiêu phát triển bền vững:**

- Công ty luôn quan tâm và có trách nhiệm thực hiện tốt các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Tại các khu công nghiệp mà Công ty làm chủ đầu tư, việc xây dựng và kinh doanh hệ thống hạ tầng phục vụ các doanh nghiệp sản xuất đã gắn chặt với công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là việc xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường, hệ thống cây xanh phong phú, khống chế tốt khí bụi, tiếng ồn, tiến tới xử lý nguồn rác thải công nghiệp, nguy hại cho các doanh nghiệp sản xuất trong KCN.
- Luôn hướng tới việc thu hút các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao, lĩnh vực ít gây ô nhiễm môi trường.
- Công ty luôn đặt mục tiêu kinh doanh kết hợp với trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng bằng những đợt tham gia vận động hỗ trợ các tổ chức từ thiện ở địa phương.

5. Các rủi ro:

Hiện nay Công ty đã đầu tư vào các dự án bất động sản (BDS): BDS công nghiệp, BDS du lịch sinh thái và kinh doanh cổ phiếu, nên các yếu tố rủi ro có thể xảy ra là:

- Lĩnh vực kinh doanh BDS công nghiệp: Hiệu quả ổn định, mức độ rủi ro phụ thuộc vào chính sách ưu đãi đầu tư vào các KCN của Nhà nước;
- Lĩnh vực kinh doanh BDS sinh thái: Rủi do vẫn tiềm ẩn do thị trường BDS này đang gặp nhiều khó khăn trong việc giải quyết hàng tồn kho;
- Lĩnh vực kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu: Mức độ rủi ro lớn do thị trường còn thiếu minh bạch.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2019

Các chỉ tiêu chính về doanh thu, lợi nhuận, chi trả cổ tức cho các cổ đông năm 2019, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018 (Tỷ VNĐ)	Kế hoạch 2019 (Tỷ VNĐ)	Thực hiện 2019 (Tỷ VNĐ)	Hoàn thành kế hoạch 2019 (%)
1	Tổng tài sản	763.046.010.530	860.000.000.000	921.123.995.842	107%

2	Doanh thu đã phân bổ (DT thuần + DT tài chính + thu nhập khác)	111.203.004.874	116.000.000.000	163.445.619.026	141%
3	Lợi nhuận sau thuế	70.358.787.453	70.000.000.000	98.369.987.517	141%

2. Tổ chức và nhân sự

↳ Danh sách Ban điều hành:

- 1/ Ông Lê Tùng Sơn – Tổng Giám đốc
- 2/ Ông Nguyễn Anh Đệ – Phó Tổng Giám đốc
- 3/ Ông Phạm Trung Kiên – Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc VPID Hà Nam
- 4/ Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kế toán trưởng

↳ Những thay đổi trong Ban điều hành:

Ban điều hành Công ty gồm có 04 thành viên. Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT (là cổ đông sáng lập), 01 phó Tổng Giám đốc thường trực, 01 phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam (công ty con) và Kế toán trưởng.

↳ Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng: Chi tiết tại Phụ lục 1.

↳ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban điều hành:

Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSD lập cho ngày đăng ký cuối cùng 31/05/2019, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của thành viên BDH, Kế toán trưởng như sau:

TT	Thành viên BDH	Chức vụ	Năm 2018		Năm 2019		% Thay đổi
			SL CP	Tỷ lệ, %	SL CP	Tỷ lệ, %	
1	Lê Tùng Sơn	TGD	521.690	3,52%	599.943	3,59%	0,07%
2	Nguyễn Anh Đệ	P.TGD	0	0,00%	0	0,00%	0,00%
3	Phạm Trung Kiên	P.TGD	33.537	0,23%	38.567	0,23%	0,00%
4	Nguyễn Thị Hoàn	KTT	7.456	0,05%	5.398	0,03%	-0,02%
	Tổng		562.683	3,80%	643.908	3,85%	

↳ Số lượng cán bộ, nhân viên toàn công ty (công ty mẹ, các công ty con):

Trình độ	Số lượng (người)		Cộng	Tỷ lệ (%)
	VPID	VPID Hà Nam		
Trên Đại Học	0	0	0	0%
Đại Học, Cao đẳng	21	10	31	42%
Trung Cấp	0	1	1	1%
Công Nhân Kỹ Thuật & lao động khác	34	7	41	56%
TỔNG CỘNG	55	18	73	100%
Thu nhập bình quân 2019	12,2 triệu đồng/người/tháng			

↳ Chính sách đối với người lao động:

- Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ chính sách cho người lao động theo Hợp đồng lao động và các quy định của Nhà nước;
- Cải thiện môi trường và điều kiện làm việc, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa tinh thần, xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp của công ty, tạo động lực tốt cho người lao động làm việc tích cực, ổn định, gắn bó vì sự phát triển của công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

- Năm 2019, VPID tiếp tục tập trung đầu tư tại 2 KCN Khai Quang và Châu Sơn, đồng thời tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư các dự án mới phù hợp với chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty tại các địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Hà Nam, Hải Dương,...

- Tại KCN Khai Quang: Tập trung công tác duy trì hoạt động KCN, tiếp tục cho thuê các diện tích đất công nghiệp còn lại và thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng tạo nguồn đất sạch cho thuê; Tăng cường kiểm soát chất lượng nước thải các doanh nghiệp, tiếp tục đầu tư Module 3 nhà máy XLNT công suất 4000 m3/ngày đêm để xử lý nguồn nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp đạt tiêu chuẩn về môi trường theo quy định của pháp luật.

- KCN Châu Sơn: Thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng tạo nguồn đất sạch cho thuê, hoàn thiện xây dựng hạ tầng và đẩy mạnh công tác cho thuê đất tại phần diện tích KCN cũ và KCN mở rộng.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

a/ Công ty con:

❖ **Công ty TNHH một thành viên VPID Hà Nam:** Là chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Tình hình hoạt động triển khai dự án: Dự án đang dần hoàn thiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật đối với diện tích mở rộng, khai thác vận hành phục vụ các doanh nghiệp đang hoạt động, đẩy mạnh công tác cho thuê lại đất các phần diện tích đất còn lại của khu công nghiệp.

- Địa điểm đầu tư dự án: Phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

- Quy mô diện tích dự án: theo quy hoạch điều chỉnh đã được phê duyệt 231,13 ha

+ Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam quản lý 56,27 ha.

+ VPID Hà Nam quản lý 174,86 ha. Đền bù GPMB lũy kế đến thời điểm hiện tại đạt 149,24/174,86 ha.

- Thu hút đầu tư: Trong năm 2019, VPID Hà Nam đã ký hợp đồng với 08 công ty (FDI: 06; trong nước: 02), tổng diện tích đất cho thuê đạt: 9,24 ha. Tỷ lệ lấp đầy đạt 75,5%

b/ Các công ty liên kết:

❖ **Công ty cổ phần du lịch – văn hóa Bình An**

Tình hình hoạt động: Đang trong giai đoạn đầu tư chưa có doanh thu.

❖ **Công ty Cp đầu tư phát triển hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam:**

- VPID hiện đang nắm giữ 20% vốn điều lệ, số tiền Công ty đã đầu tư vào dự án là 92,73 tỷ đồng.

- Tổ chức đại hội cổ đông bất thường vào ngày 19/3/2019, các cổ đông biểu quyết thông qua việc tăng vốn điều lệ Công ty thêm 200 tỷ đồng tương ứng 20.000.000 cổ phần. Mục đích tăng vốn để thực hiện dự án mở rộng KCN Đồng Văn III giai đoạn 2. Tổng số vốn điều lệ sau khi tăng là 303 tỷ đồng.

- Ngày 20/9/2019 Thủ tướng CP đã ký quyết định số 1233/QĐ-TTg chấp thuận chủ trương đầu tư dự án KCN Đồng Văn III giai đoạn II;

- Ngày 30/9/2019 Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư giai đoạn II với quy mô là 1.177.400 m2 trong đó đất dự kiến sử dụng là 1.684.100 m2, tổng mức đầu tư dự án 1.272 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính của Công ty:

4.1. Tình hình tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018 (Tỷ đồng)	Năm 2019 (Tỷ đồng)	Tăng, giảm (%)
1	Tổng giá trị tài sản	763.046.010.530	921.123.995.842	21%
2	Vốn chủ sở hữu	226.352.000.854	270.022.110.579	19%
3	Doanh thu thuần	74.397.622.401	124.523.774.684	67%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	78.298.064.778	117.359.584.715	50%

5	Lợi nhuận khác	550.159.656	-4.437.425.146	-907%
6	Lợi nhuận trước thuế	78.848.224.434	112.922.159.569	43%
7	Lợi nhuận sau thuế (LN ròng)	70.358.787.453	98.369.987.517	40%
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.774	5.478	45%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 của VPID

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tăng, giảm (%)
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/ Nợ ngắn hạn):	10,45	4,51	-56,8%
	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn)	9,45	3,51	-62,9%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,71	0,71	0%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,37	2,41	1,7%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)	0,41	0,92	124,4%
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,09	0,13	44,4%
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,94	0,79	-16,0%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,31	0,36	16,1%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,09	0,11	22,2%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,05	0,94	-10,5%

4.3. Các chỉ tiêu cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng giảm
Cơ cấu tài sản:			
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	0,66	0,45	-31,8%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	0,34	0,55	61,8%
Tỷ số nợ / Tổng tài sản	0,71	0,71	0%
Cơ cấu nguồn vốn:			
Tỷ số nợ / Vốn chủ sở hữu	2,37	2,41	1,7%
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	0,71	0,71	0 %
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	0,29	0,29	0%
Tỷ suất lợi nhuận:			
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	0,09	0,11	22,2%
Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	0,31	0,36	16,1%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,94	0,79	-16,0%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

Tính đến ngày 30/09/2019, vốn điều lệ của Công ty như sau:

- Vốn điều lệ:	183.513.510.000	VND
- Khối lượng cổ phiếu đã niêm yết:	18.351.351	Cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ:	1.647.300	Cổ phiếu
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành:	16.704.051	Cổ phiếu

Trong đó: Có 16.704.051 cổ phiếu được tự do chuyển nhượng và 1.647.300 cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

- Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSD lập cho ngày đăng ký cuối cùng 31/05/2019 thì cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

TT	Diễn giải	Năm 2018		Năm 2019	
		Số cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ CP	Số cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ CP
1	Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ:	431	100%	404	100%
	Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số CPPT	4	42.57%	5	44.78%
	Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% tổng số CPPT	14	30.57%	11	28.29%
	Cổ đông sở hữu dưới 1% CP	413	26.86%	388	26.93%
2	Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:	431	100%	404	100%
	Tổ chức (trong nước, nước ngoài)	19	11.19%	15	12.71%
	Cá nhân (trong nước, nước ngoài)	412	88.81%	389	87.29%
3	Cổ đông trong nước và nước ngoài:	431	100%	404	100%
	Cổ đông trong nước (tổ chức, cá nhân)	407	87.68%	380	86.23%
	Cổ đông nước ngoài (tổ chức, cá nhân)	24	12.32%	24	13.77%
4	Cổ đông nhà nước và các cổ đông khác:	431	100%	404	100%
	Cổ đông nhà nước	0	0	0	0
	Cổ đông khác (Không phải CĐ nhà nước)	431	100%	404	100%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Trong năm Công ty đã thực hiện 01 lần mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ:

Nội dung	Trước khi thay đổi	Thay đổi	Sau khi thay đổi	Ngày thực hiện giao dịch
Mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ	1.647.201	99	1.647.300	20/03/2019

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng của tổ chức trong năm: Không có
- Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Tại KCN Khai Quang và KCN Châu Sơn nhà đầu tư mua điện từ EVN, công ty không quản lý trực tiếp.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

+ Đối với trách nhiệm là chủ đầu tư, Công ty đã chú trọng xây dựng theo hướng thân thiện và bền vững, sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm năng lượng như: bóng đèn led tiết kiệm điện, hệ thống bình nước nóng năng lượng mặt trời. Đối với khối văn phòng: Hạn chế sử dụng điện và các thiết bị điện trong giờ cao điểm, sử dụng thiết bị ít tiêu tốn năng lượng, tắt các thiết bị khi không sử dụng.

+ Đối với việc tiết kiệm năng lượng tiêu hao của các nhà đầu tư trong KCN thì tùy thuộc vào đặc điểm quy trình sản xuất và kế hoạch sử dụng năng lượng của từng nhà đầu tư, công ty không kiểm soát được.

6.3. Tiêu thụ nước:

- Các KCN của Công ty đều sử dụng nước sạch do công ty nước cung cấp. Toàn bộ nguồn nước đã qua sử dụng được thải vào hệ thống nước thải tập trung của KCN. KCN không sử dụng nước tái chế và tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Các KCN của Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định về bảo vệ môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Tổng số người lao động trong Công ty là 73 người, mức lương trung bình là 12,2 triệu đồng/người/tháng. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm cho cán bộ nhân viên (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp khó khăn,...), chăm lo sức khỏe cho người lao động (khám sức khỏe định kỳ, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động,...). Các chế độ khen thưởng luôn kịp thời tùy thuộc vào tình hình tài chính công ty. Thường các ngày lễ lớn như: Tết Nguyên đán, Tết Dương lịch, thường 2/9, 1/5. Ngoài ra hàng năm đều tổ chức các đợt du lịch cho người lao động.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty tích cực tham gia các hoạt động ủng hộ, hỗ trợ, từ thiện tại các địa phương Công ty đang hoạt động

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh: không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:

1.1. Kết quả thực hiện so với kế hoạch ĐHĐCĐ năm 2019:

a/ Ưu điểm:

- Kết quả kinh doanh năm 2019 đều đạt kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra, trong đó doanh thu và lợi nhuận sau thuế đều đạt 141% so với kế hoạch.
- Về công tác quản lý điều hành Công ty: Năm 2019, Ban điều hành đã xây dựng bổ sung và dần hoàn thiện quy trình hoạt động cho các bộ phận của Công ty, cải tiến và tăng cường công tác quản lý điều hành từ cấp phòng, ban đến các đội, tổ.
- Về công tác phối hợp với các bộ phận trong công ty: Hội Đồng Quản Trị - Ban Tổng Giám Đốc hoạt động thường xuyên và gắn kết hơn: Điều chỉnh kịp thời những vướng mắc trong công tác tổ chức, quản lý, điều hành; Chỉ đạo sát sao, kịp thời hoạt động kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc duy trì giao ban một lần/tháng để đánh giá công việc đã thực hiện trong tháng, kế hoạch thực hiện tháng tiếp theo nhằm thực hiện tốt nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ.
- Tại KCN Khai Quang: Vận hành tốt hệ thống hạ tầng phục vụ doanh nghiệp, giám sát công tác bảo vệ môi trường trong KCN, tiếp tục cho thuê những diện tích đất đã được giao.

1500
CỘI
CỔ
ATTR
VĨN
HYE

- Tại KCN Châu Sơn: Đã hoàn thành giải phóng mặt bằng vị trí 2 mở rộng. Đầu tư hoàn thiện hạ tầng đối với những phần diện tích đã được giao (vị trí cũ và vị trí mở rộng), tích cực trong công tác cho thuê đất và hoàn thành kế hoạch cho thuê đất do ĐHCĐ năm 2019 đề ra.
- Thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền của năm 2018 với tỷ lệ 20%.

b/ Nhược điểm:

- Công ty còn triển khai chậm một số chỉ tiêu theo kế hoạch năm như giải phóng mặt bằng và đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 3, công nợ tồn đọng xử lý chậm.
- Chưa triển khai được dự án đầu tư mới.
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế cận tuy đã được quan tâm nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu trong tương lai;

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được.

- Sau 16 năm thành lập và hoạt động (2003 -2019) công tác quản trị, điều hành công ty đã được cải tiến, tạo được thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp.
- Chi trả cổ tức hàng năm cho các cổ đông đạt 18% - 20%/năm.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản:

Tổng hợp tài sản, nguồn vốn từ đầu năm đến cuối kỳ kế toán (01/10/2018 đến 30/09/2019)

TT	Chỉ tiêu	Tại 01/10/2018	Tại 30/09/2019	Tăng, giảm (%)
A	TÀI SẢN			
I	Tài sản ngắn hạn	504.436.708.717	415.481.358.605	-18%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	46.512.666.741	14.733.282.345	-68%
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	380.897.013.258	319.045.594.902	-16%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	28.325.849.096	43.119.790.130	52%
4	Hàng tồn kho	48.383.843.792	32.621.884.902	-33%
5	Tài sản ngắn hạn khác	317.335.830	5.960.806.326	1778%
II	Tài sản dài hạn	258.609.301.813	505.642.637.237	96%
1	Các khoản phải thu dài hạn	68.742.061.811	114.240.387.685	66%
2	Tài sản cố định	51.562.829.404	48.611.780.342	-6%
3	Bất động sản đầu tư	19.096.938.691	0	-100%
4	Tài sản dở dang dài hạn	4.444.869.950	73.421.710.140	1552%
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	59.454.920.281	189.734.530.027	219%
6	Tài sản dài hạn khác	55.307.681.676	79.634.229.043	44%
	Tổng tài sản (I + II)	763.046.010.530	921.123.995.842	21%
B	NGUỒN VỐN			
I	Nợ ngắn hạn	48.281.430.368	92.103.362.956	91%
	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17.593.064.403	19.831.608.240	13%
II	Nợ dài hạn	488.412.579.308	558.998.522.307	14%
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	488.351.503.709	546.862.822.307	12%
2	Phải trả dài hạn khác	0	0	
3	Vay và nợ dài hạn	0	12.135.700.000	
III	Vốn chủ sở hữu	226.352.000.854	270.022.110.579	19%
	Tổng nguồn vốn (I+II+III)	763.046.010.530	921.123.995.842	21%

Nguồn: BCKT hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019 VPID

2.2 Tình hình nợ phải trả

- Phải trả người bán:

Stt	Đối tượng	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Công ty TNHH Hóa phẩm Thịnh Phát	141.933.000	
2	Công ty TNHH kỹ thuật công nghệ ADE	28.091.000	
3	Công ty TNHH Koastal eco industries	9.992.900.000	
4	Viện Công nghệ môi trường	320.285.000	
5	Công ty TNHH MTV Vĩnh Sơn Hà Nam	185.699.400	
6	Công ty TNHH Hiệp Thành	4.485.468.000	
7	Công ty TNHH tư vấn đại học xây dựng	266.118.000	
8	Các đối tượng khác	385.880.566	
	Cộng	15.806.374.966	

- Phải trả Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam: 12.135.700.000 đồng

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Ban Tổng Giám đốc duy trì hợp giao ban toàn thể công ty (công ty mẹ với các công ty con) một lần/tháng, để tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện trong tháng và đưa ra các biện pháp khắc phục tồn tại (nếu có) và lập kế hoạch thực hiện cho tháng tiếp theo. Ngoài ra, hàng tuần công ty mẹ và công ty con đều họp giao ban tuần và gửi báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện tuần kế trước và kế hoạch thực hiện tuần tiếp theo cho HĐQT nắm được tình hình hoạt động của toàn thể công ty;

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Định hướng năm 2020:

❖ KCN Khai Quang:

- Tiếp tục thực hiện công việc đền bù GPMB nhằm có quỹ đất sạch cho thuê, tạo nguồn doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

- Thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch KCN lần 7.

❖ KCN Châu Sơn:

Đầu tư hoàn thiện hạ tầng phần diện tích cũ và đầu tư hạ tầng phần diện tích mở rộng.

❖ Công tác thu hút đầu tư:

- Tập trung thu hút đầu tư, ưu tiên các nhà đầu tư Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan theo chiến lược của tỉnh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, ưu tiên các doanh nghiệp công nghiệp phụ trợ (điện, điện tử, cơ khí chính xác,...).

- Chỉ tiêu cho thuê đất đặt ra năm 2020 đối với KCN Khai Quang: 1 ha ; KCN Châu Sơn từ 8-10 ha.

4.2. Kế hoạch tài chính năm 2020:

4.2.1. Kế hoạch các chỉ tiêu chính, hoạt động kinh doanh năm 2020 hợp nhất

TT	Chỉ tiêu	Đ.vị	Năm 2019	Kế hoạch năm 2020	% Tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	921.123.995.842	1.015.000.000.000	10%
2	Doanh thu đã phân bổ (DT thuần + DT tài chính + thu nhập khác)	Tỷ đồng	163.445.619.026	264.000.000.000	62%
3	Lợi nhuận sau thuế (LN ròng)	Tỷ đồng	98.369.987.517	151.670.000.000	54%

4.2.2. Kế hoạch phân bổ các quỹ đối với lợi nhuận sau thuế 2020:

STT	Diễn giải phân bổ	Tỷ lệ phân bổ %
1	Quỹ đầu tư phát triển	8
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2
3	Quỹ khen thưởng BĐH	5
4	Quỹ chi trả cổ tức	85

4.2.3. Kế hoạch chi trả cổ tức 2020:

- Trả cổ tức 35% trong đó:
 - + Bằng tiền 20%
 - + Bằng cổ phiếu 15%

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a/ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty ngày càng cải thiện các hoạt động đầu tư, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...) hợp lý phù hợp với tiêu chuẩn cho phép trong lĩnh vực đầu tư và phát triển KCN.

b/ Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Người lao động làm việc tại Công ty được đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội, được trang bị thiết bị làm việc đầy đủ. Công ty cũng đã 02 lần phát hành cổ phiếu ESOP cho cán bộ nhân viên nhằm hỗ trợ người lao động có thêm động lực làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty.

c/ Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công ty thường xuyên tham gia các hoạt động quyên góp, ủng hộ các quỹ cũng như các chương trình từ thiện do Tỉnh Vĩnh Phúc, Tỉnh Hà Nam phát động.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2019, Chính phủ đã có nhiều giải pháp để hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn để duy trì và ổn định sản xuất kinh doanh. Tình hình chung có nhiều thuận lợi với làn sóng dịch chuyển dòng vốn FDI từ Trung Quốc vào Việt Nam. Tuy nhiên khó khăn đối với các doanh nghiệp còn nhiều, đặc biệt về vốn hoạt động kinh doanh, chi phí sản xuất ngày càng tăng, thủ tục hành chính tuy đã được cải cách nhưng vẫn còn rất nặng nề. Đối với Công ty, với những lợi thế về kinh nghiệm thực tiễn đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và tiềm lực tài chính đã giúp Công ty vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành tốt kế hoạch do ĐHQĐ đề ra.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

- Nhìn lại năm tài chính 2019, mặc dù các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong công tác giải phóng mặt bằng, cho thuê đất nhưng Ban giám đốc đã có nhiều cố gắng, với những kinh nghiệm thực tiễn, với lợi thế về tiềm lực tài chính đã giúp công ty trải qua một năm hoạt động kinh doanh đạt và vượt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông 2019 đề ra, cụ thể:

- + Doanh thu đã phân bổ (DT thuần+DT tài chính+thu nhập khác) : 163,45 tỉ đồng, tăng 47% so với 2018
- + Lợi nhuận sau thuế : 98,37 tỉ đồng, tăng 40% so với 2018
- + Tổng giá trị tài sản : 921,12 tỉ đồng, tăng 21% so với 2018
- + Vốn chủ sở hữu : 270,02 tỉ đồng, tăng 19% so với 2018

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2019 và đánh giá tình hình kinh tế Việt Nam trong năm 2020 và những năm tiếp theo xác định vẫn còn nhiều khó khăn. Đối với Công ty, VPID đang có lợi thế rất lớn về Bộ máy quản trị, điều hành ổn định, dày dặn kinh nghiệm, nguồn vốn tiền mặt dự trữ ngày một tăng, dòng tiền thu ổn định. HĐQT định hướng kế hoạch hoạt động sản xuất, mở rộng phát triển kinh doanh trong năm 2020 và những năm tới, cụ thể:

+ Duy trì thành quả đã đạt được, phát huy năng lực nội tại, nắm bắt cơ hội đầu tư mở rộng đa lĩnh vực (ưu tiên lĩnh vực kinh doanh lõi) đạt hiệu quả ổn định để phát triển theo xu hướng bền vững.

+ Duy trì hoạt động kinh doanh tại công ty mẹ và các công ty thành viên, đẩy mạnh thu hút đầu tư vào KCN Châu Sơn.

+ Nghiên cứu các dự án tiềm năng trong tỉnh Vĩnh Phúc, các tỉnh khác như Phú Thọ, Hải Dương

+ Tiếp tục cải tiến nâng tầm bộ máy quản trị, điều hành đặc biệt về quản trị nhân lực, tiếp tục nghiên cứu cải thiện chế độ tiền lương phù hợp với tình hình chung của nền kinh tế.

+ Điều chỉnh phân bổ cơ cấu nguồn lực hiện có hợp lý hơn;

+ Đảm bảo nguồn để chi trả cổ tức cho các cổ đông đều đặn trong những năm tiếp theo.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị hiện nay của Công ty gồm 07 người có nhiệm kỳ 5 năm từ 2019 – 2024, gồm các thành viên sau:

1. Ông Trịnh Việt Dũng – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Hoàng Đình Thắng – Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông Lê Tùng Sơn – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
4. Ông Phùng Văn Quý – Thành viên HĐQT chuyên trách
5. Bà Nguyễn Ngọc Lan – Thành viên HĐQT kiêm Trưởng ban kiểm toán nội bộ
6. Ông Phạm Hữu Ánh – Thành viên HĐQT độc lập
7. Ông Phạm Văn Hoanh – Thành viên HĐQT độc lập

✚ *Cơ cấu của Hội đồng quản trị:*

- Trong 07 TV HĐQT có 06/07 thành viên HĐQT không tham gia Ban điều hành, 02/07 là thành viên HĐQT độc lập, 01/07 thành viên HĐQT chuyên trách, 01/07 thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành là Tổng Giám đốc.

Trong 07 TV HĐQT có 03/07 thành viên HĐQT là cổ đông sáng lập

✚ *Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT: xem Phụ lục 1*

✚ *Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của thành viên HĐQT:*

- Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSD lập cho ngày đăng ký cuối cùng 31/05/2019 (số liệu năm 2018 được lập tại ngày đăng ký cuối cùng 12/06/2018), tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của thành viên HĐQT như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Năm 2018		Năm 2019		% Thay đổi
			SL CP	Tỷ lệ, %	SL CP	Tỷ lệ, %	
1	Trịnh Việt Dũng	CT HĐQT	2.145.999	14,48%	1.467.898	8,79%	-5,69%
2	Hoàng Đình Thắng	Phó CT HĐQT	1.899.076	12,81%	2.183.937	13,07%	0,26%
3	Lê Tùng Sơn	TV HĐQT	521.690	3,52%	599.943	3,59%	0,07%
4	Phùng Văn Quý	TV HĐQT	474.368	3,20%	545.522	3,27%	0,07%
5	Nguyễn Ngọc Lan	TV HĐQT	11.951	0,08%	13.743	0,08%	0,00%
6	Phạm Hữu Ánh	TV HĐQT độc lập	252	0,00%	289	0,00%	0,00%
7	Phạm Văn Hoanh	TV HĐQT độc lập	-	0,00%	-	0,00%	0,00%
	Tổng		5.053.336	34,09%	4.811.332	28,80%	

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT hiện có ba tiểu ban trực thuộc là Tiểu Ban nghiên cứu đầu tư, Tiểu ban đầu tư tài chính và Tiểu Ban kiểm toán nội bộ, 03 tiểu ban này có cơ cấu thành viên như sau:

TT	Tên tiểu ban	Trưởng tiểu ban	Thành viên
1	Tiểu Ban nghiên cứu đầu tư	Ông Phùng Văn Quý	
2	Tiểu Ban kiểm toán nội bộ	Bà Nguyễn Ngọc Lan	Ông Nguyễn Mạnh Hà
3	Tiểu Ban đầu tư tài chính	Ông Văn Phụng Hà	Bà Nguyễn Ngọc Lan Ông Phạm Văn Hoanh

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị (HĐQT) trong năm 2019 đã tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHCĐ.
- HĐQT đã duy trì tổ chức họp thường kỳ hàng quý và các cuộc họp bất thường.
- HĐQT đã tham gia các buổi họp giao ban của Ban Tổng giám đốc (Ban TGD) hàng tháng để nắm bắt tình hình công việc đã thực hiện tháng trước và định hướng các công việc cho Ban TGD thực hiện tháng tiếp theo.
- HĐQT cũng giám sát các công việc triển khai của Ban TGD hàng tuần thông qua các báo cáo nhanh hàng tuần gửi cho các TV HĐQT để có ý kiến đóng góp cho kế hoạch thực hiện (nếu thấy cần thiết).
- Ngoài ra, HĐQT cũng sát sao chỉ đạo, kiểm tra giám sát Ban điều hành tuân thủ các quy định của pháp luật, tổ chức công bố thông tin thường kỳ và bất thường theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán, đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
- Chỉ đạo nghiên cứu và làm việc với một số tỉnh để thành lập dự án đầu tư mới.
- Trong năm 2019, HĐQT đã tiến hành họp 18 phiên và phê duyệt các nội dung cụ thể như sau:

Nghị quyết/Quyết định	Ngày tháng	Nội dung chính thông qua
0901.1/19/NQ-HĐQT/IDV	09/01/2019	Thành lập Tiểu ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị
0901.2/19/NQ-HĐQT/IDV	09/01/2019	Thù lao HĐQT và các tiểu ban trực thuộc
0901.3/19/NQ-HĐQT/IDV	09/01/2019	Giải thể Tiểu ban kiểm soát nội bộ, Tiểu ban nghiên cứu đầu tư trực thuộc HĐQT nhiệm kỳ 3
0901.4/19/NQ-HĐQT/IDV	09/01/2019	Thành lập tiểu ban nghiên cứu đầu tư trực thuộc HĐQT nhiệm kỳ 4
0901.5/19/NQ-HĐQT/IDV	09/01/2019	Bổ nhiệm chính thức Phó giám đốc Công ty TNHH MTV VIPD Hà Nam
2301/19/NQ-HĐQT/IDV	23/01/2019	Bổ sung sửa đổi quy chế tài chính
2301.1/19/NQ-HĐQT/IDV	23/01/2019	Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam vay tiền phục vụ công tác đền bù, GPMB phần diện tích mở rộng KCN Châu Sơn
2102.1/19/NQ-HĐQT/IDV	21/02/2019	Thông qua phương án chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 10%
2102.2/19/NQ-HĐQT/IDV	21/02/2019	Thông qua đề cử nhân sự tham gia HĐQT, BKS, Ban điều hành Công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam
2102.3/19/NQ-HĐQT/IDV	21/02/2019	Phê duyệt đơn giá cho thuê đất tại KCN Châu Sơn - Tỉnh Hà Nam
2102.4/19/NQ-HĐQT/IDV	21/02/2019	Thù lao HĐQT và các tiểu ban trực thuộc
2502/19/NQ-HĐQT/IDV	25/02/2019	Thông qua cử nhân sự đại diện phần vốn góp của

		Công ty tại Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III Tỉnh Hà Nam
1203/19/NQ-HĐQT/IDV	12/03/2019	Thông qua phương án chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 10% (thay thế nghị quyết số 2102.1/19/NQ-HĐQT/IDV ngày 21/02/2019)
1203.1/19/NQ-HĐQT/IDV	12/03/2019	Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính niên độ tài chính 2019
2203/QĐ/HĐQT/IDV	22/03/2019	Phê duyệt đầu tư dự án module 3 xử lý nước thải giai đoạn 3 công suất 4,000 m ³ /ngày đêm và vay vốn tại Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam
0104/19/NQ-HĐQT/IDV	01/04/2019	Thông qua phương án góp vốn khi Công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng KCN Đồng Văn III - Tỉnh Hà Nam phát hành thêm cổ phần tăng vốn điều lệ
0305/19/NQ-HĐQT/IDV	03/05/2019	Thông qua chủ trương dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng cho thuê tại lô CN4 - KCN Khai Quang - Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc
0305.1/19/NQ-HĐQT/IDV	03/05/2019	Phương án chi trả cổ tức bằng tiền năm tài chính 2018 với tỷ lệ 10%
0305.2/19/NQ-HĐQT/IDV	03/05/2019	Phê duyệt đơn giá cho thuê đất tại KCN Châu Sơn - Tỉnh Hà Nam
0305.3/19/NQ-HĐQT/IDV	03/05/2019	Phê duyệt kinh phí hoạt động của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản
0305.4/19/NQ-HĐQT/IDV	03/05/2019	Phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019
0305.5/19/NQ-HĐQT/IDV	03/05/2019	Phân công đại diện vốn tại Công ty CP thủy điện Trung Thu
0305.6/19/NQ-HĐQT/IDV	03/05/2019	Phân công đại diện vốn tại Công ty CP đầu tư và xây dựng số 18 (mã ck: L18)
0305.7/19/NQ-HĐQT/IDV	03/05/2019	Phân công đại diện vốn tại Công ty CP Lilama 45.3 (mã ck: L43)
0305.8/19/NQ-HĐQT/IDV	03/05/2019	Phân công đại diện vốn tại Công ty CP phát triển hạ tầng Phú Thành
0305.9/19/NQ-HĐQT/IDV	03/05/2019	Tăng hệ số lương Tổng giám đốc
0305.11/19/NQ-HĐQT/IDV	03/05/2019	Phê duyệt hạn mức đầu tư trái phiếu, chứng chỉ quỹ đối với Công ty TNHH một thành viên VPID Hà Nam
0305.12/19/NQ-HĐQT/IDV	03/05/2019	Phê duyệt hạn mức cho vay đối với Công ty CP đầu tư và xây dựng L18
0305.13/19/NQ-HĐQT/IDV	03/05/2019	Thành lập Ban đầu tư tài chính trực thuộc HĐQT
0406/19/NQ-HĐQT/IDV	04/06/2019	Bảo lãnh tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
1106/19/NQ-HĐQT/IDV	11/06/2019	Thông qua chủ chương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng cho thuê sản xuất kinh doanh và làm kho tại KCN Châu Sơn - Thành phố Phủ Lý - Tỉnh Hà Nam
2106/19/NQ-HĐQT/IDV	21/06/2019	Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng cho thuê sản xuất kinh doanh và làm kho tại KCN Khai Quang - Thành phố Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc
0207.1/19/NQ-HĐQT/IDV	02/07/2019	Xử lý các khoản tồn đọng
0207.2/19/NQ-HĐQT/IDV	02/07/2019	Xử lý các khoản tồn đọng
0207.3/19/NQ-HĐQT/IDV	02/07/2019	Phê duyệt đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng nhà xưởng cho thuê kinh doanh và làm kho tại KCN Châu

		Sơn - thành phố Phủ Lý - tỉnh Hà Nam
0207.5/19/NQ-HĐQT/IDV	02/07/2019	Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của Tiểu Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT
0207.6/19/NQ-HĐQT/IDV	02/07/2019	Ban hành Quy chế quản lý tài chính
0207.7/19/NQ-HĐQT/IDV	02/07/2019	Phân cấp quyền và hạn mức phê duyệt đầu tư, mua bán tài sản, dịch vụ ngoài đối với Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty trực thuộc
0908.1/NQ-HĐQT/IDV	09/08/2019	Phê duyệt kế hoạch thành lập công ty cổ phần đầu tư xây dựng nhà xưởng, kho cho thuê tại KCN Khai Quang, tỉnh Vĩnh Phúc
0908.2/NQ-HĐQT/IDV	09/08/2019	Phê duyệt phương án kinh doanh đầu tư xây dựng nhà xưởng, kho cho thuê tại KCN Khai Quang, tỉnh Vĩnh Phúc
1009/19/NQ-HĐQT/IDV	10/09/2019	Tham gia góp vốn và đại diện vốn tại Công ty CP VPID Vĩnh Phúc

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Công ty hiện có 02/07 thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
- Với vai trò của mình, trong năm 2019 các thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia hoạt động tại các tiểu ban theo phân công nhiệm vụ.

❖ Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Các Tiểu ban trực thuộc HĐQT hoạt động theo các nguyên tắc rõ ràng và cụ thể được quy định trong Quy chế hoạt động của từng tiểu ban.

- Tiểu Ban Kiểm toán nội bộ (TBKTNB):

+ Được thành lập từ ngày 09/01/2019, TBKTNB kiểm tra kiểm soát các báo cáo hàng tuần, tháng của công ty về công việc, chi, thu, đầu tư tài chính.

+ Theo dõi, đôn đốc nhắc nhở việc xử lý, thu hồi công nợ với các công ty liên doanh liên kết.

- Tiểu Ban nghiên cứu đầu tư (TBNCĐT): TBNCĐT thực hiện nhiệm vụ tìm hiểu thông tin và lập bài toán kinh tế tài chính đánh giá hiệu quả dự án đầu tư Khu công nghiệp Bá Thiện, Lập Thạch 1 tại tỉnh Vĩnh Phúc; KCN Đồng Văn III tại tỉnh Hà Nam; Khu đô thị Bắc Cầu Hàn tại tỉnh Hải Dương.

- Tiểu Ban đầu tư tài chính (TBĐTTC): Được thành lập từ ngày 03/05/2019.

1.5. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

2.1. Lương, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT và Ban TGD:

- Việc sử dụng quỹ thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT nằm trong hạn mức đã được ĐHCĐ phê duyệt năm 2019. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao, lương, các lợi ích khác theo kết quả thực hiện công việc và theo kết quả kinh doanh của Công ty, đảm bảo phù hợp Điều lệ, các quy định nội bộ của VPID về lương/đãi ngộ, các quy định hiện hành có liên quan.

- Thù lao của HĐQT và các tiểu Ban trực thuộc HĐQT: 1,45 tỷ đồng

- Lương, thù lao của Ban Tổng giám đốc được nhận năm qua theo Quy chế trả lương của Công ty do HĐQT quyết định, ngoài ra Ban TGD không có thêm bất cứ khoản lợi ích nào khác: 2,89 tỷ đồng

- Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích không thể lượng hoá bằng tiền: không có

2.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, người liên quan đến cổ đông nội bộ và cổ đông lớn

TT	Người thực hiện giao dịch	Cổ đông nội bộ/ Người có liên quan/ Cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng, cổ tức...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trịnh Việt Dũng	Chủ tịch HĐQT	2.467.898	14,48%	1.467.898	8,79%	Giảm do nhu cầu cá nhân
2	Tạ Phạm Bích Thủy	Vợ Chủ tịch HĐQT	0	0%	1.000.000	5,99%	Tăng tỷ lệ sở hữu
3	American LLC	Cổ đông lớn	1.411.621	9,52%	1.854.819	11,10%	Tăng tỷ lệ sở hữu

2.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Không có)

Trong năm qua cổ đông nội bộ và những người liên quan không có giao dịch gì (hợp đồng, hoặc giao dịch khác đã được ký kết) với công ty và các công ty con.

2.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc quản trị theo các quy định của pháp luật, của các cơ quan quản lý nhà nước đối với công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán, nhờ vậy đã từng bước tạo niềm tin cho các cổ đông, cho người lao động và làm tiền đề cho việc phát triển trong những năm tới.

- Thời gian công bố thông tin các Báo cáo tài chính và Báo cáo quản trị công ty như sau:

Thời điểm	Loại Báo cáo	Chưa soát xét	Đã soát xét/Kiểm toán
Quý 1	BCTC công ty mẹ	16/01/2019	
Quý 1	BCTC hợp nhất	17/01/2019	
Quý 2	BCTC công ty mẹ	19/04/2019	
Quý 2	BCTC hợp nhất	19/04/2019	
Bán niên	BCTC công ty mẹ đã soát xét		25/04/2019
Bán niên	BCTC hợp nhất đã soát xét		25/04/2019
Quý 3	BCTC công ty mẹ	18/07/2019	
Quý 3	BCTC hợp nhất	19/07/2019	
Bán niên	BC quản trị công ty Bán niên	30/07/2019	
Quý 4	BCTC công ty mẹ	21/10/2019	
Quý 4	BCTC hợp nhất	21/10/2019	
Cả năm	BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán		28/10/2019
Cả năm	BCTC hợp nhất đã kiểm toán		28/10/2019

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

❖ Ý kiến kiểm toán:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc tại ngày 30/09/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất."

(Báo cáo tài chính được Kiểm toán năm 2019- UHY)

❖ **Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

Báo cáo tài chính Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán được đăng tải trên Website: <http://www.vpid.vn>, được công bố thông tin theo đúng quy định của Luật chứng khoán và thông tư Thông tư 155/2015/TT-BTC (đã công bố thông tin trên trang điện tử của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và UBCK Nhà Nước) và được lưu tại trụ sở chính Công ty. (Chi tiết tại phụ lục 2)

Vĩnh Phúc, ngày 11 tháng 11 năm 2019

T/M. CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ TÙNG SƠN

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- HĐQT;
- website: www.vpid.vn
- Lưu VT

Phụ Lục 1

Lý lịch của các thành viên HĐQT, BKS và Ban điều hành

Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT:

HĐQT có 01 thành viên tham gia Ban Tổng Giám đốc nên lý lịch 01 thành viên này được nêu tại phần lý lịch của Ban điều hành, các thành viên còn lại như sau:

Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **Trịnh Việt Dũng**
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 15/02/1958
Nơi sinh: Hà Nội
CMND: 012375667 Ngày cấp: 29/09/2002 Nơi cấp: CA Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 47 Hàng Đào – Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kỹ thuật
Quá trình công tác:
+ Năm 1975 – 1980: Học tại Đại học Bách khoa Hà Nội;
+ Năm 1984 – 1987: Công tác tại Viện kỹ thuật nhiệt đới – Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
+ Năm 1988 – 1999: Làm nghiên cứu sinh tại Cộng hòa Séc;
+ Năm 1999 – Nay: Làm kinh doanh tại Cộng hòa Séc – Nguyên là Chủ tịch hội doanh nghiệp Việt Nam tại Cộng hòa Séc;
+ Tháng 6/2009 – 8/2010: giữ chức CT HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;
+ Tháng 8/2010 – 10/2013: là Ủy viên HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
+ Từ tháng 11/2013 đến nay là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng VP
Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP đầu tư và xây dựng số 18
Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **Hoàng Đình Thắng**
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 05/01/1959
Nơi sinh: Hướng Đạo, Tam Dương, Vĩnh Phúc
CMND: 013423332 Ngày cấp: 26/05/2011 Nơi cấp: CA Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Phòng 2 Tầng 7 Nhà E1 KĐT Ciputra, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện hóa

Quá trình công tác:

- + 1980-1988: Giáo viên Trường Cao đẳng Hóa chất
- + 1988-1992: Cán bộ kỹ thuật, Nhà máy sứ Teplice
- + 1992-1999: Giám đốc công ty HANT
- + 1999 đến nay: Tổng giám đốc TTTM Sapa
- + 2003-2016: Chủ tịch Hội Người Việt Nam tại CH Séc
- + 2009-2014: Ủy viên Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- + 2014 đến nay: Ủy viên Đoàn chủ tịch, Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- + 12/2015 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
- + 2016 đến nay : Chủ tịch Liên Hiệp các Hội người Việt Nam tại châu Âu
- + 06/2017: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Thành viên HĐQT:

Họ và tên	Phùng Văn Quý
Giới tính	Nam
Ngày sinh	01/9/1958
Nơi sinh	Hội Hợp, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
CMND	135390168 Ngày cấp: 07/02/2006, Nơi cấp: CA Vĩnh Phúc
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	116 Quán Tiên, Hội Hợp, TP Vĩnh Yên – Tỉnh Vĩnh Phúc
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

- + Năm 1980 Công tác tại Viện luyện kim màu (nay là Viện khoa học Mỏ và Luyện kim, Bộ Công thương);
- + Năm 1981 – 1983 Đi bộ đội;
- + Năm 1984 – 1985 Công tác tại Viện luyện kim màu (nay là Viện khoa học Mỏ và Luyện kim, Bộ Công thương);
- + Năm 1986 – 2000 Học và làm việc tại Liên bang Nga (Liên Xô cũ);
- + Năm 2001 – 2003 Công tác tại Viện khoa học Mỏ và Luyện kim, Bộ Công thương;
- + Năm 2003 đến tháng 8/2006: Làm việc tại Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
- + Từ tháng 9/2006 đến tháng 3/2011: phó TGD Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
- + Từ 4/2011 đến 04/2016: Thành viên HĐQT kiêm TGD Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
- + Từ 05/2016: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Ban nghiên cứu đầu tư Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

Thành viên HĐQT:

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Lan**
Giới tính: Nữ
Ngày sinh: 18/10/1984
Nơi sinh: Hòa Bình
CMND: 013265231 Ngày cấp: 15/01/2010 Nơi cấp: CA Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Tổ 17 Phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế - chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp
Quá trình công tác:
+ 8/2006 - 7/2007: Công tác tại Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long (KLS)
+ 8/2007 - 5/2011: Công tác tại Công ty cổ phần Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HSC)
+ 5/2011 - 12/2013: Công tác tại Khối chiến lược và Phát triển Ngân hàng - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
+ 1/2014 - nay: Công tác tại Phòng chiến lược - Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank)
+ 3/2012 - nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT/Trưởng Ban kiểm toán nội bộ
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên gia Phòng chiến lược - Ngân hàng TMCP Quân đội
Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Thành viên HĐQT:

Họ và tên: **Phạm Hữu Ánh**
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 24/08/1965
Nơi sinh: Hà Nội
CMND: 001065013305 Ngày cấp: 21/05/2018 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 112D tập thể 3 tầng, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:

Quá trình công tác:

- + 1996-2001 : Học tập và làm việc tại LB Nga
- + 2002-2004 : NV Cty TNHH LT
- + 2004-2005 : Phó Giám đốc cty TNHH LT
- + 2006-2010 : Giám đốc cty TNHH LT
- + 2010 – nay : Lao động tự do

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Thành viên HĐQT:

Họ và tên: **Phạm Văn Hoanh**
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 31/08/1983
Nơi sinh: Quảng Nam
CMND: 205089627 Ngày cấp: 27/06/2018 Nơi cấp: Công an Quảng Nam
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 2006K-B3, Chung cư Đức Khải, 14B Nguyễn Lương Bằng, Quận 7, Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn:

Quá trình công tác:

- + 2006-2007 : Kỹ sư Công nghệ, Công ty hóa dầu TPC Vina, Đồng Nai
- + 2007-2008 : Kỹ sư Công nghệ, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Quảng Ngãi
- + 2008-nay : Kỹ sư Dầu khí, Công ty Dầu khí liên doanh Điều hành chung Cửu Long, Hồ Chí Minh
- + 2016 – nay : Giám đốc Công ty TNHH TOPSTOCK

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty tư vấn đầu tư Tăng Trưởng Việt

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có



✦ Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng:

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Họ và tên: **Lê Tùng Sơn**
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 07/03/1957
Nơi sinh: Sơn Tây, Hà Nội
CMND: 001057007980, Ngày cấp: 23/11/2016, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 463/17/6 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy công trình
Quá trình công tác:
+ Năm 1974 – 1979 Học tại Học viện kỹ thuật quân sự;
+ Năm 1980 – 2007 Công tác tại Bộ tư lệnh công binh, Bộ Quốc phòng;
+ Năm 2007 – 30/5/2011: là TV HĐQT kiêm P. TGD Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;
+ Từ 01/6/2011 đến nay: là TV HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
+ Từ 05/2016 – nay: Tổng giám đốc Công ty CP Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam
Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Phó Tổng giám đốc:

Họ và tên: **Nguyễn Anh Đệ**
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 11/08/1977
Nơi sinh: Hoàng Hoa Thám – Phường Vĩnh Phúc – Quận Ba Đình – Hà Nội
CMND: 011809881 Ngày cấp: 04/08/2006 Nơi cấp: CA Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Số 11 ngách 14 ngõ 639 Hoàng Hoa Thám – Phường Vĩnh Phúc – Quận Ba Đình – Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh, cử nhân tài chính kế toán
Quá trình công tác:
Năm 1995 – 2000: Học Đại học thương mại
Năm 2000 – 2006: Công ty liên doanh máy xây dựng Việt Nam – Uraltrac
Năm 2008 – 2016: Công ty CP thủy điện Trung Thu
Năm 2009 – 2016: Công ty CP đầu tư và phát triển công nghệ cao Hòa Bình

Năm 2016 – nay: Công ty CP phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

Chức vụ công tác hiện nay: Phó TGD – Thư ký HĐQT – Người công bố thông tin

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP thủy điện Trung Thu

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc VPID Hà Nam:

Họ và tên: **Phạm Trung Kiên**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 26/02/1978

Nơi sinh: Hội Hợp – Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc

CMND: 135602296 Ngày cấp: 27/07/2009 Nơi cấp: CA Vĩnh Phúc

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số nhà 147 đường Ngô Quyền-Phủ Lý-Hà Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Năm 2000 – 2004: Học Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội;

Năm 2004 – 2005: Công tác tại Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc;

Năm 2006 – 4/2011: Giám đốc Công ty CP Xây dựng và thương mại Vĩnh Sơn;

Tháng 5/2011 – tháng 4/2017: Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam;

Tháng 5/2017 – nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc VPID Hà Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH MTV VPID Hà Nam

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Cổ đông

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Kế toán trưởng

Họ và tên: **Nguyễn Thị Hoàn**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 08/08/1983

Nơi sinh: Bồ Lý, Tam Đảo, Vĩnh Phúc

CMND: 135148406 Ngày cấp: 30/03/2011, Nơi cấp: CA Vĩnh Phúc

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Khu HC15, Phường Liên Bảo, Tp. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- + Tháng 11 năm 2005-2008: kế toán thủ quỹ Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
- + Năm 2009: Kế toán thuế kiêm kế toán thanh toán tại Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
- + Năm 2010: Kế toán thuế kiêm kế toán thanh toán tại Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
- + Năm 2011: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc; Kế toán Ban thường trực Hội doanh nghiệp Đầu Tư Nước Ngoài tỉnh Vĩnh Phúc.
- + Năm 2012: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc; Kế toán Ban thường trực Hội doanh nghiệp Đầu Tư Nước Ngoài tỉnh Vĩnh Phúc; Giám đốc Công ty TNHH TM và DV Tùng Hải.
- + Từ 11/2013 đến nay: Kế toán trưởng tại Công ty CP Phát triển hạ Tầng Vĩnh Phúc.

Chức vụ công tác hiện nay:

Kế toán trưởng Công ty

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Giám đốc Công ty TNHH TM và DV Tùng Hải

Những khoản nợ đối với Công ty:

Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Cổ đông

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Không có

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không có

Phụ lục 02

Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/09/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019 VND	01/10/2018 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		415.481.358.605	504.436.708.717
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	14.733.282.345	46.512.666.741
Tiền	111		14.733.282.345	5.082.666.741
Các khoản tương đương tiền	112		-	41.430.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		319.045.594.902	380.897.013.258
Chứng khoán kinh doanh	121	5	5.721.055.321	5.721.055.321
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5	(953.942.885)	(1.025.822.885)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	314.278.482.466	376.201.780.822
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.119.790.130	28.325.849.096
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	11.554.164.517	15.164.204.282
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	8.505.667.973	4.822.680.170
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	11.500.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	11.559.957.640	8.338.964.644
Hàng tồn kho	140	12	32.621.884.902	48.383.843.792
Hàng tồn kho	141		32.621.884.902	48.383.843.792
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.960.806.326	317.335.830
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	289.600.032	52.323.729
Thuế GTGT được khấu trừ	152	17	5.671.206.294	265.012.101
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		505.642.637.237	258.609.301.813
Các khoản phải thu dài hạn	210		114.240.387.685	68.742.061.811
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	11.500.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	11	114.240.387.685	57.242.061.811
Tài sản cố định	220		48.611.780.342	51.562.829.404
Tài sản cố định hữu hình	221	13	48.611.780.342	51.562.829.404
- Nguyên giá	222		84.657.469.175	78.983.862.299
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.045.688.833)	(27.421.032.895)
Bất động sản đầu tư	230		-	19.096.938.691
- Nguyên giá	231		-	48.498.979.285
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(29.402.040.594)
Tài sản dở dang dài hạn	240		73.421.710.140	4.444.869.950
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	73.421.710.140	4.444.869.950
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	189.734.530.027	59.454.920.281
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		94.119.754.467	14.808.594.721
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		69.614.775.560	44.646.325.560
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		26.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		79.634.229.043	55.307.681.676
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	79.592.896.166	55.307.681.676
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	22	41.332.877	-
TỔNG TÀI SẢN	270		921.123.995.842	763.046.010.530

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019 VND	01/10/2018 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		651.101.885.263	536.694.009.676
Nợ ngắn hạn	310		92.103.362.956	48.281.430.368
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	15.806.374.966	283.371.701
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	4.214.944.979	3.299.193.129
Phải trả người lao động	314		1.412.849.774	1.181.559.003
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	3.290.555.007	6.501.683.105
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	19.831.608.240	17.593.064.403
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	32.094.333.343	5.439.367.403
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		437.344.674	291.666.169
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.015.351.973	13.691.525.455
Nợ dài hạn	330		558.998.522.307	488.412.579.308
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	546.862.822.307	488.351.503.709
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	12.135.700.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341	22	-	61.075.599
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		270.022.110.579	226.352.000.854
Vốn chủ sở hữu	410	23	270.022.110.579	226.352.000.854
Vốn góp của chủ sở hữu	411		183.513.510.000	161.725.490.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		183.513.510.000	161.725.490.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		349.075.000	349.075.000
Cổ phiếu quỹ	415		(22.787.408.838)	(22.786.416.838)
Quỹ đầu tư phát triển	418		19.713.414.295	11.876.931.916
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		89.233.520.122	75.186.920.776
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.904.727.144	29.961.034.636
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		75.328.792.978	45.225.886.140
TỔNG NGUỒN VỐN	440		921.123.995.842	763.046.010.530

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	124.523.774.684	74.397.622.401
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		124.523.774.684	74.397.622.401
Giá vốn hàng bán	11	25	30.062.426.335	20.021.683.813
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		94.461.348.349	54.375.938.588
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	36.234.423.214	35.993.894.743
Chi phí tài chính	22	27	(841.306.494)	292.882.961
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>172.424.210</i>	<i>5.158.521</i>
Lãi, lỗ trong Công ty liên doanh liên kết	24		413.957.779	(72.288.823)
Chi phí bán hàng	25	28	1.307.546.563	1.350.807.441
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	13.283.904.558	10.355.789.328
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		117.359.584.715	78.298.064.778
Thu nhập khác	31	30	2.687.421.128	811.487.730
Chi phí khác	32	31	7.124.846.274	261.328.074
Lợi nhuận khác	40		(4.437.425.146)	550.159.656
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		112.922.159.569	78.848.224.434
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	14.654.580.527	8.427.361.384
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	(102.408.475)	61.075.598
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		98.369.987.517	70.359.787.453
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	5.478	3.744



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	112.922.159.569	78.848.224.434
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8.000.527.257	10.321.449.793
Các khoản dự phòng	03	(997.606.774)	(401.808.099)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.752)	(27.933)
Lãi hoạt động đầu tư	05	(36.648.378.241)	(34.693.157.708)
Chi phí lãi vay	06	172.424.210	5.158.521
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	83.449.123.269	54.079.839.008
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(63.840.505.227)	(12.403.403.404)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	15.784.692.481	10.808.471.911
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	85.015.016.187	8.406.072.596
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.338.570.676)	(6.120.161.134)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(172.424.210)	(5.158.521)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.770.435.313)	(9.525.050.173)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(5.533.095.563)	(6.919.981.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	96.593.800.948	38.320.628.333
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(60.380.842.252)	(3.258.004.729)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	228.224.545
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(618.898.000.000)	(718.816.780.822)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	658.226.780.822	708.421.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(105.702.760.400)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	7.529.499.886
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	33.973.711.350	35.738.911.192
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(92.781.110.480)	29.842.850.072



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(992.000)	(10.071.379.160)
Tiền thu từ đi vay	33		253.124.450.000	800.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(240.988.750.000)	(1.110.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(47.726.785.616)	(29.650.205.898)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(35.592.077.616)	(40.031.585.058)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	46.512.666.741	18.380.745.461
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.752	27.933
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	14.733.282.345	46.512.666.741

